TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH** **Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST** **Ngày: 19/4/2019.** V/v: "Không công nhận là vợ chồng".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Chiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thơ.
2. Bà Trần Thị Tuyết.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2019/TLST- HNGĐ ngày 17/01/2019 về việc "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX - ST ngày 05/4/2019. Giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L - Sinh: 1969
ĐKHKTT: Tổ 72, khu 7, P.H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;
Nơi ở: Tổ 7, khu 4, P.Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;
Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Anh Vũ Đình Quỳnh - Sinh: 1968
Nơi cư trú: Tổ 72, khu 7, P.H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;
Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/12/2018 và đơn ngày 14/01/2019, bản tự khai ngày 25/02/2019 và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Vũ Đình Q chung sống với nhau năm 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, tuy nhiên do làm mất đăng ký kết hôn và UBND xã T xác nhận là không còn sổ lưu giữ đăng ký kết hôn của năm 1988 tại UBND xã, nên không cung cấp được. Quá trình Tôi (L) chung sống cùng anh Q đến năm 1998 thì mâu thuẫn, do anh Q thường xuyên đánh đập Tôi (L), Tôi phải đi viện điều trị. Nay Tôi (L) đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa Tôi (L) và anh Q là vợ chồng.

* Về con: Tôi (L) xác nhận có 03 con chung là Vũ Thị L - sinh: 18/11/1989; Vũ Thị L - sinh: 10/3/1994; Vũ Đình Q - sinh: 13/9/1995. Nay các con đều đã đến tuổi thành niên và phát triển bình thường, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Tôi (L) không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Cuộc sống chung giữa Tôi (L) và anh Q không có khoản nợ chung nào của Nhà nước cũng như tư nhân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Vũ Đình Q đã được Tòa án triệu tập ngày 25/01/2019 và ngày 26/02/2019, nhưng anh Q vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa anh Q có mặt và có quan điểm Giấy đăng ký kết hôn đã bị mất, nên anh không cung cấp được. Về con chung, tài sản và nợ anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cuộc sống chung giữa chị Phạm Thị L và anh Vũ Đình Q từ năm 1988, theo chị L và anh Q khai có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được căn cứ để chứng minh là có đăng ký kết hôn hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Vũ Đình Q không có mặt tại Toà án, nhưng tại phiên tòa anh có mặt và trình bày quan điểm về việc chị Phạm Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa anh và chị là vợ chồng.

Xét việc chị Phạm Thị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa chị và anh Quỳnh là vợ chồng. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Thấy việc chị L và anh Q không cung cấp được căn cứ để chứng minh là có đăng ký kết hôn hợp pháp, mà anh chị lại chung sống với nhau từ năm 1988. Như vậy quan hệ chung sống giữa chị Phạm Thị L và anh Vũ Đình Q không được công nhận là vợ chồng. Vậy đề nghị của chị Phạm Thị L là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con: Chị Phạm Thị L và anh Vũ Đình Q xác nhận sinh được 03 con chung, nay các con đều đã đến tuổi thành niên và phát triển bình thường. Nên không đề cập.

[3] Về tài sản và nợ: Chị Phạm Thị L và anh Vũ Đình Q không đề nghị giải quyết tài sản chung, không có khoản nợ chung nào của Nhà nước cũng như tư nhân. Nên không đề cập.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị L chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8, Điều 28; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L.
   Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị L và anh Vũ Đình Q.
2. Về con: Không đề cập.
3. Về tài sản và nợ: Không đề cập.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị L chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm *(chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số: 0000645 ngày 17/01/2019, tại chi cục thi hành án dân sự thành phố H, nay chuyển thành án phí ly hôn chính thức)*.

Án xử công khai, có mặt chị L, anh Q. Báo quyền kháng cáo cho các đương sự trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND TP.H*
- *Tòa án nhân dân Tỉnh Q.N;*
- *THA TP.H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ + VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Chiên